TÒA ÁN NHÂN DÂN H.HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **36/2022**/HNGĐ-ST
Ngày: **24/8/2022**
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy

Ông Cao Văn Truyện

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2022 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022; Quyết hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn T, xã H huyện H, thành phố Đ. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh Long, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 14, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

**** Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Xuân S**, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn T, xã H huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn – Bà Lê Thị Kim T trình bày:* Tôi (T) và ông Nguyễn Xuân S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Trà Kiểm, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp và áp lực từ gia đình nhà chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vả. Do ông S công tác trong lực lượng vũ trang nên thường hay đi công tác xa mỗi tháng chỉ về nhà một đến hai lần, không giành thời gian chăm lo cho gia đình, bỏ mặc vợ con. Khi chung sống bên gia đình nhà chồng tôi bị gia đình ông S đánh đập, xem thường, ông S biết nhưng vẫn thờ ơ, không quan tâm và cũng không tìm cách để bảo vệ. Tôi và ông S cũng đã ly

thân với nhau khoảng hơn hai năm và không còn trách nhiệm với nhau trong cuộc sống. Mặc dù tôi cũng đã tìm mọi cách để níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không mang lại kết quả mà tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên lạnh nhạt. Nay tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu ông S nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Xuân S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống tôi và ông Nguyễn Xuân S có 02 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 13/5/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, bị đơn - Ông Nguyễn Xuân S trình bày:* Tôi (S) và bà Lê Thị Kim T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Trà Kiểm, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, nhưng mâu thuẫn không trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Việc bà T yêu cầu giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý. Tôi mong muốn được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian chung sống tôi và bà T có 02 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 13/5/2012. Tôi mong muốn đoàn tụ để vợ chồng xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Kim T đối với ông Nguyễn Xuân S. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân S. Về con chung: Giao cả 02 con chung Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 13/5/2012 cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Ông Nguyễn Xuân S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng/tháng/02 con cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông S không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Bà Lê Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Xuân S, địa chỉ: Thôn Trà Kiểm, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về phần con chung, mức yêu cầu cấp dưỡng tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Xuân S vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét về nội dung:* Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Xuân S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, tại quyển số 01, ngày 05/02/2007. Sau khi kết hôn bà T và ông S chung sống tại Thôn Trà Kiểm, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T là do quan điểm sống và tính tình của vợ chồng không hợp và bà T bị áp lực từ phía gia đình ông S nên vợ chồng thường xuyên cãi vả. Do ông S công tác trong lực lượng vũ trang nên thường hay ít khi về nhà, mỗi tháng chỉ về nhà một đến hai lần, không giành thời gian chăm lo cho gia đình, bỏ mặc vợ con. Bà T bị gia đình ông S xem thường, đánh đập. Vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay đã hai năm, không ai quan tâm cũng như có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa bà T ông S không thể hàn gắn và bà T không còn tình cảm yêu thương ông S nữa, nên yêu cầu Tòa án cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân S.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân S xác nhận giữa ông và bà Lê Thị Kim T trong thời gian chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng dẫn đến việc ly hôn. Ông S yêu cầu đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Kim T HĐXX thấy rằng: Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà T và ông S đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên bà T và ông S thường xuyên xảy ra cải vã nhau. Do đặc thù công việc của đơn vị Quân đội nên Ông Nguyễn Xuân S hay đi công tác xa mỗi tháng chỉ về nhà một đến hai lần, không có thời gian nhiều để chăm lo xây dựng cho gia đình, bỏ mặc vợ con. Ngoài ra, gia đình ông S không tôn trọng bà nên có lần bà T bị gia đình chồng đánh đập, mặc dù biết nhưng ông S vẫn thờ ơ, không quan tâm đến cũng như không có hướng giải quyết với gia đình ông S làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Mặc dù bà cũng đã cố gắng để níu kéo hàn gắn tình cảm nhưng cũng không đem lại

kết quả, mà mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng ly thân với nhau đến nay đã hai năm, không ai quan tâm cũng như có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống. Tại biên bản xác minh ngày 20/7/2022 của Tòa án thì bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Xuân S có hộ khẩu thường trú tại thôn Trà Kiểm, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, trong thời gian chung sống giữa bà T cũng có mâu thuẫn với gia đình ông S và vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn cãi vả nhau. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T, ông S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly về việc hôn của bà Lê Thị Kim T đối với ông Nguyễn Xuân S là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu được đoàn tụ gia đình của ông Nguyễn Xuân S, HĐXX thấy trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải nhưng ông Nguyễn Xuân S đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông S cũng không còn tha thiết và muốn hàn gắn lại tình cảm với bà T. Mặt khác tại phiên tòa, bà Lê Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Vì vậy, HĐXX thấy không có cơ sở để xem xét yêu cầu đoàn tụ của ông S.

[3] *Về con chung*: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Xuân S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 13/5/2012.

Ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Nguyễn Xuân S phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/02 con/tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà T và ông S HĐXX thấy hiện nay cả 02 con chung đang sinh sống ổn định với bà T. Vì vậy để không làm xáo trộn đến tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc chăm sóc, học hành đồng thời cũng là nguyện vọng của con chung nên thấy cần giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Xét yêu cầu nuôi con chung của ông S trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa vắng mặt, nên HĐXX nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Xuân S đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông S phải chịu.

[6] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa về yêu cầu nuôi con chung, mức cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con của bà Lê Thị Kim T đối với ông Nguyễn Xuân S. Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T được ly hôn ông Nguyễn Xuân S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 13/5/2012 cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Nguyễn Xuân S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/02 con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Xuân S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004332 ngày 11/05/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông Nguyễn Xuân S phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, 24/08/2022. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSND h.Hòa Vang;*
- *UBND xã Hòa Phước, h.Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng;*
- *TAND Tp. Đà Nẵng;*
- *Chi cục THADS h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**